



CÔNG TY CP ĐƯỜNG NINH HÒA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA
NIÊN ĐỘ
QUÍ IV NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
NINH HÒA**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10- 38

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý IV năm 2013

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		949.838.406.329	292.929.235.043
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	372.520.290.803	39.921.238.387
1. Tiền	111		17.420.290.803	8.331.238.387
2. Các khoản tương đương tiền	112		355.100.000.000	31.590.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	112.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		112.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		352.037.737.082	187.226.260.114
1. Phải thu khách hàng	131		4.148.140.308	4.872.345.052
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	331.260.068.675	179.455.993.576
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	18.092.353.235	3.224.119.815
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.462.825.136)	(326.198.329)
IV. Hàng tồn kho	140		91.800.249.755	63.489.895.549
1. Hàng tồn kho	141	V.5	91.800.249.755	63.489.895.549
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.480.128.689	2.291.840.993
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		548.215.556	154.715.025
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.319.719.344	1.160.479.510
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		11.960.109	11.960.109
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	9.600.233.680	964.686.349

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		921.918.692.149	620.489.913.192
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		601.690.408.948	325.261.849.434
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	340.924.145.718	255.019.598.776
<i>Nguyên giá</i>	222		500.834.075.705	345.409.138.780
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(159.909.929.987)	(90.389.540.004)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	10.491.186.172	15.740.520.780
<i>Nguyên giá</i>	228		12.582.450.921	17.276.654.505
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.091.264.749)	(1.536.133.725)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	250.275.077.058	54.501.729.878
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		308.411.355.057	287.327.345.025
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	199.310.120.259	183.009.350.227
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	109.101.234.798	104.317.994.798
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.778.046.561	1.270.611.386
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6.647.546.561	1.202.111.386
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		130.500.000	68.500.000
VI. Lợi thế thương mại	269	V.13	5.038.881.583	6.630.107.347
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.871.757.098.478	913.419.148.235

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		945.413.218.104	364.510.850.728
I. Nợ ngắn hạn	310		749.539.423.265	269.227.485.465
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	625.340.131.807	176.756.587.087
2. Phải trả người bán	312	V.15	84.390.146.885	28.430.048.603
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	6.033.635.040	27.429.479.800
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	7.839.233.709	3.483.996.906
5. Phải trả người lao động	315		10.587.928.292	5.677.452.197
6. Chi phí phải trả	316		1.713.279.071	2.661.085.288
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	4.803.258.322	12.917.119.304
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	8.831.810.139	11.871.716.280
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
II. Nợ dài hạn	330		195.873.794.839	95.283.365.263
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-
3. Phải trả dài hạn khác	333		467.600.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	189.896.537.795	92.053.686.436
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		5.509.657.044	3.229.678.827
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		895.022.847.974	544.608.688.124
I. Vốn chủ sở hữu	410		895.022.847.974	544.608.688.124
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	607.500.000.000	303.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	12.132.550.000	12.334.430.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	109.926.976.444	101.382.082.596
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	16.004.887.919	11.680.122.435
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	(1.616.929.007)	(1.616.929.007)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	151.075.362.618	117.078.982.100
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.22	31.321.032.400	4.299.609.383
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.871.757.098.478	913.419.148.235

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		5.487.000	41.904.762
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		252.770.900	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		13.960,95	90.484,53
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 02 năm 2014

**Ngô Thị Thu Trang**
Người lập biểu**Võ Thị Thùy Tiên**
Kế toán trưởng**Trần Kim Dũng**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị tính: VND)

Quý IV năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	71.288.762.733	228.360.182.512	1.044.424.595.221	935.538.710.298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	924.089.905	845.861.355	924.089.905
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V1.1	71.288.762.733	227.436.092.607	1.043.578.733.866	934.614.620.393
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	53.732.084.853	199.817.052.264	882.678.531.303	800.882.691.384
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.556.677.880	27.619.040.343	160.900.202.563	133.731.929.009
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	17.949.991.545	16.195.637.677	32.539.862.367	48.764.797.705
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	9.081.700.715	25.276.882.136	31.885.132.976	54.547.069.002
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.556.253.601	6.819.522.561	30.305.124.098	57.607.747.373
8. Chi phí bán hàng	24	V1.5	1.104.479.768	3.541.339.478	23.324.437.990	9.957.555.569
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V1.6	21.251.222.734	8.931.541.294	43.553.783.759	27.911.886.474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.069.266.208	6.064.915.112	94.676.710.205	90.080.215.669
11. Thu nhập khác	31	V1.7	2.592.671.778	2.189.723.956	47.250.362.572	7.578.858.471
12. Chi phí khác	32		2.208.952.772	1.466.829.486	37.055.706.836	3.970.411.881
13. Lợi nhuận khác	40		383.719.006	722.894.470	10.194.655.736	3.608.446.590
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45	V1.8	1.151.011.761	564.422.904	19.793.779.992	6.869.743.530
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.603.996.975	7.352.232.486	124.665.145.933	100.558.405.789
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	(1.325.589.243)	2.600.494.109	21.634.443.825	16.115.590.436

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Quý IV		Lãi kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	2.280.000.000	-	2.279.978.217	3.229.678.827
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.649.586.218	4.751.738.377	100.750.723.891	81.213.136.526
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	(55.766.539)	(637.975.180)	(20.917.736)	(391.373.375)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	4.705.352.757	5.389.713.557	100.771.641.627	81.604.509.901
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	155	479	3.318	7.108



Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểu



Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		124.665.145.933	100.558.405.789
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		36.435.796.485	32.837.336.301
- Các khoản dự phòng	03		(9.119.912.870)	(12.818.735.255)
- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(19.793.779.992)	(6.869.743.530)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.032.790.131)	(39.823.856.175)
- Chi phí lãi vay	06		30.305.124.098	57.607.747.373
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		146.459.583.523	131.491.154.503
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(173.665.351.820)	(41.283.971.839)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.310.354.206)	(26.987.333.594)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		63.957.260.479	22.076.835.276
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.838.935.706)	3.275.589.856
- Tiền lãi vay đã trả	13		(29.322.584.674)	(56.097.548.311)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.826.343.821)	(32.458.417.679)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.313.600.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13.527.375.652)	(8.714.523.569)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(55.760.501.877)	(8.698.215.357)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(347.976.971.852)	(67.192.735.048)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		38.139.167.045	238.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(112.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(21.084.010.032)	(259.377.999.611)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	148.662.804.400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.869.353.053	25.863.976.898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(416.052.461.786)	(151.805.953.361)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		303.548.120.000	222.569.800.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.760.938.031.945	801.842.331.757
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.214.511.635.866)	(778.089.438.325)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.562.500.000)	(48.533.878.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		804.412.016.079	197.788.815.432
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		332.599.052.416	37.284.646.714
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	39.921.238.387	2.636.591.673
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	372.520.290.803	39.921.238.387

Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểu

Võ Thị Thùy Tiên
Kế toán trưởng



Ninh Hòa, ngày 14 tháng 02 năm 2014

Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (công ty mẹ) và công ty con.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất – chế biến

3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm:

- Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ;
- Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Gia công chế tạo cơ khí;
- Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất phân bón;
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi ;
- Sản xuất và kinh doanh bán điện;
- Kinh doanh bất động sản;
- Chăn nuôi bò thịt giống gốc, vỗ béo bò thịt chất lượng cao; sản xuất cung cấp các giống vật nuôi phục vụ chăn nuôi; sản xuất cung cấp các giống cây trồng phục vụ ngành chăn nuôi; truyền giống, đào tạo, chuyển giao dịch vụ chăn nuôi thú y; trồng mía và các cây công nghiệp khác; kinh doanh bất động sản, kho bãi .

4. Tổng số các công ty con : 03

5. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bò Giống Miền Trung	Xã Ninh Sim – Huyện Ninh Hòa – Khánh Hòa	62,92%	62,92%
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	Số 160 Bác Ái - Phường Đô Vinh - Tp. Phan Rang - Tháp Chàm - Tỉnh Ninh Thuận	51,68%	51,68%
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	Xã Ninh Xuân – Thị Xã Ninh Hòa- Tỉnh Khánh Hòa	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Mía Đường 333	Thị trấn EaKnốp - Huyện EaKar - Tỉnh ĐắkLắk	42,10%	42,10%
Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Số 561 Trần Hưng Đạo – Thị xã Ayunpa – Tỉnh Gia Lai	22,98%	22,98%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại Công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi ghi nhập các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm,
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm,
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm,
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Giá súc	12

9. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với chứng khoán không thu thập được giá giao dịch trên thị trường thì không lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 48 tháng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định

Toàn bộ giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình và vô hình không thỏa mãn tiêu chuẩn ghi nhận Tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/2/2013 được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian 36 tháng.

Các chi phí khác

Lệ phí trước bạ quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của diện tích đất 1.500 m² làm nhà chứa bã mía với thời gian phân bổ 25 năm.

13. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

14. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Qui IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	342.200.979	195.722.271
Tiền gửi ngân hàng	17.078.089.824	8.135.516.116
Tiền đang chuyển	355.100.000.000	31.590.000.000
Cộng	<u>372.520.290.803</u>	<u>39.921.238.387</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng từ ngày 23/12/2013 đến ngày 23/6/2014 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Khánh Hòa, lãi suất 7%/năm và trả lãi vào cuối kỳ.
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công vay vốn theo hợp đồng số 04/05/2013/HĐVV-NHE, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay 10%/năm; hợp đồng vay số 06/07/2013/HĐVV-NHE. Thời hạn vay 3 tháng. Lãi suất vay 09%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị đầu tư cho nông dân từ vụ 2008 đến 2011	612.249.554	333.847.780
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2011-2012	592.233.579	1.912.747.336
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2012-2013	2.726.757.940	175.678.657.057
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2013-2014	197.035.491.426	-
Triveni Turbine Limited	51.870.829.122	-
Công ty CP SX-TM Bao Bi Thành Thành Công	33.009.216.489	-
Công ty CP Điện Lực Khánh Hòa	30.366.707.350	-
Công ty CP Công Nghiệp Hiệp Thành	2.119.999.999	-
Công ty TNHH TM ĐT Thuận Thiên	7.500.000.000	-
Công ty CP Điện Gia Lai	1.760.000.000	-
Công ty CP Bourbon Tây Ninh	1.214.000.000	104.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.452.583.216	1.426.741.403
Cộng	<u>331.260.068.675</u>	<u>179.455.993.576</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Mía Đường 333	4.210.777.200	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu	5.679.720.000	-
Dự án Nhà máy Nhiệt Điện bã mía - Đền bù giải phóng mặt bằng Đường dây điện 110KV	2.663.339.860	-
Lãi tiền gửi phải thu	1.379.294.444	-
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	115.448.190	1.550.000.000
Các đối tượng khác	4.043.773.541	1.674.119.815
Cộng	<u>18.092.353.235</u>	<u>3.224.119.815</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	517.300.000
Nguyên liệu, vật liệu	19.200.175.925	14.718.831.391
Công cụ, dụng cụ	347.541.791	38.643.994
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.977.709.655	4.946.556.031
Thành phẩm	59.771.334.346	42.695.273.918
Hàng hóa	503.488.038	573.290.215
Cộng	<u>91.800.249.755</u>	<u>63.489.895.549</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	3.545.533.842	296.425.149
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.054.699.838	668.261.200
Cộng	<u>9.600.233.680</u>	<u>964.686.349</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	73.246.117.601	258.116.107.516	12.289.304.642	1.270.321.639	487.287.382	345.409.138.780
Tăng do hợp nhất	13.567.049.573	103.787.678.399	12.646.681.178	1.605.302.174	-	131.606.711.324
Mua sắm mới	-	4.833.759.346	-	1.256.077.837	-	6.089.837.183
Dầu tư mới	2.747.720.531	53.367.047.262	-	179.119.544	-	56.293.887.337
Giảm do thanh lý	(30.521.015.800)	(1.426.516.330)	-	-	(24.540.000)	(31.972.072.130)
Giảm khác	(1.435.744.564)	(3.990.837.927)	-	(704.096.916)	(462.747.382)	(6.593.426.789)
Số cuối năm	57.604.127.341	414.687.238.266	24.935.985.820	3.606.724.278	-	500.834.075.705
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		9.567.138.289		335.018.090	-	9.902.156.379
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	15.683.115.524	71.816.013.532	2.164.476.301	500.196.911	225.737.736	90.389.540.004
Tăng do hợp nhất	4.228.640.262	30.618.343.900	6.246.406.652	819.951.572	-	41.913.342.386
Khấu hao trong năm	3.630.130.648	30.701.691.836	1.228.930.464	291.495.451	16.290.422	35.868.538.821
Giảm do thanh lý	(3.255.575.009)	(575.030.140)	-	-	(13.887.071)	(3.844.492.220)
Giảm khác	(713.916.507)	(3.014.168.516)	-	(460.772.894)	(228.141.087)	(4.416.999.004)
Số cuối năm	19.572.394.918	129.546.850.612	9.639.813.417	1.150.871.040	-	159.909.929.987
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	57.563.002.077	186.300.093.984	10.124.828.341	770.124.728	261.549.646	255.019.598.776
Số cuối năm	38.031.732.423	285.140.387.654	15.296.172.403	2.455.853.238	-	340.924.145.718

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử Dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.737.574.571	539.079.934	17.276.654.505
Thanh lý trong kỳ	(4.657.823.650)	(36.379.934)	(4.694.203.584)
Số cuối năm	12.079.750.921	502.700.000	12.582.450.921
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.382.292.070	153.841.655	1.536.133.725
Khấu hao trong kỳ	457.622.688	109.634.976	567.257.664
Giảm điều chỉnh	-	(12.126.640)	(12.126.640)
Số cuối năm	1.839.914.758	251.349.991	2.091.264.749
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15.355.282.501	385.238.279	15.740.520.780
Số cuối năm	10.239.836.163	251.350.009	10.491.186.172

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất xã Krong Jing-Huyện MaĐrăc-Tỉnh Đắk Lắk (340 m²).
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 93, 94, 95, 96 thôn Buôn Lác- Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 01 thôn Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa (43.700 m²).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	54.501.729.878	64.090.641.512
Tăng trong năm	258.474.233.695	59.027.781.944
K/c sang tài sản cố định trong năm	(62.700.886.515)	(68.616.693.578)
Cộng	<u>250.275.077.058</u>	<u>54.501.729.878</u>

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	6.400.000	22,98%	118.329.224.250	4.000.000	22,98%	88.918.628.178
Công ty CP Mía Đường 333	3.508.981	42,1%	80.980.896.009	3.508.981	42,1%	74.201.876.549
			-	1.313.210	41,9%	19.888.845.500
Cộng			<u>199.310.120.259</u>			<u>183.009.350.227</u>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty CP Mía Đường 333	Công ty CP Mía Đường Phan Rang	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu năm	88.918.628.178	74.201.876.549	19.888.845.500	183.009.350.227
Góp vốn trong năm	24.000.000.000	-	-	24.000.000.000
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	9.088.398.372	7.109.597.693	-	16.197.996.065
Điều chỉnh khác	(3.677.802.300)	(330.578.233)	(19.888.845.500)	(23.897.226.033)
Giá trị phần sở hữu cuối năm	<u>118.329.224.250</u>	<u>80.980.896.009</u>	<u>-</u>	<u>199.310.120.259</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu**

Tên công ty	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ Phần Điện Gia Lai	7.000.000	13,39%	84.000.000.000	7.000.000	13,39%	84.000.000.000
Công ty Cổ Phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	10%	19.500.000.000	1.500.000	10%	19.500.000.000
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Thành Thành Công	420.000	14%	4.200.000.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa	116.648		1.401.234.798	58.324		817.994.798
Cộng			109.101.234.798			104.317.994.798

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	1.202.111.386	1.285.204.874
Tăng do mua lại công ty con	1.228.117.260	33.650.000
Tăng trong năm	5.097.626.627	1.001.808.064
K/c sang chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(880.308.712)	(1.118.551.552)
Cộng	6.647.546.561	1.202.111.386

13. Lợi thế thương mại

	Kỳ này
Nguyên giá	
Số đầu năm	7.956.128.816
Số cuối năm	7.956.128.816
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	1.326.021.469
Phân bổ trong năm	1.591.225.764
Số cuối năm	2.917.247.233
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	6.630.107.347
Số cuối năm	5.038.881.583

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	592.501.066.511	146.845.422.227
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Nha Trang	133.234.657.033	11.477.697.673
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	45.000.000.000	79.696.370.994
Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa	11.950.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	14.000.000.000	55.671.353.560
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa	18.195.123.278	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quy IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TM Chinatrust - CN TP.HCM	21.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa	235.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông-CN Đắk Lắk	50.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận	34.121.286.200	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN1, Tp.HCM	30.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	32.839.065.296	29.911.164.860
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	20.346.565.296	-
Ngân hàng đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận	10.492.500.000	-
Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín	2.000.000.000	29.911.164.860
Cộng	<u>625.340.131.807</u>	<u>176.756.587.087</u>

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Hekou Mingcheng Technology & Tradeco., LTD	21.830.746.350	2.217.541.850
Tiền mía, tiền vận chuyển mía	22.156.458.121	10.949.400.759
Công ty CP Công Nghiệp Hiệp Thành	6.339.623.700	5.380.918.000
Công ty CP Đường Biên Hòa	4.791.721.766	-
Công ty TNHH MHE-Demag Việt Nam	3.683.710.800	-
Công ty TNHH MTV THG Việt Nam	2.359.318.141	-
Behn Meyer Specialty Chemicals SDN.BHD	1.487.913.629	1.593.685.375
GEA Heat Exchangers Pte Ltd	1.442.178.290	-
Công ty TNHH Tân Hùng Thái	993.350.985	-
Công ty TNHH XD-TM-DV Trung Hưng Thịnh	972.957.370	-
Công ty TNHH Tháp Giải Nhiệt B.K.K.Vina	922.680.000	-
Công ty TNHH Nhật Quang	807.961.440	-
Công ty TNHH Nguyễn Phú	711.521.290	-
Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam	598.485.800	-
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	52.408.700	-
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công	1.849.020.000	329.886.865
Các nhà cung cấp khác	13.390.090.503	7.958.615.754
Cộng	<u>84.390.146.885</u>	<u>28.430.048.603</u>

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	5.783.517.000	26.728.932.000
Các khách hàng khác	250.118.040	700.547.800
Cộng	<u>6.033.635.040</u>	<u>27.429.479.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	354.116	26.440.436.492	(26.435.973.629)	4.816.979
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	21.762.805.244	(21.762.805.244)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	64.691.476	792.113.720	(856.805.196)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.783.010.002	21.739.080.946	(17.826.343.821)	6.695.747.127
Thuế thu nhập cá nhân	635.896.912	3.869.718.751	(3.838.311.440)	667.304.223
Thuế tài nguyên	44.400	5.581.760	(5.123.680)	502.480
Thuế nhà đất	-	82.943.200	(82.943.200)	-
Tiền thuê đất	-	150.598.100	(150.598.100)	-
Các loại thuế khác	-	1.798.069.820	(1.327.206.920)	470.862.900
- Thuế môn bài	-	8.500.000	(8.500.000)	-
- Thuế nhà thầu	-	1.794.069.820	(1.323.206.920)	470.862.900
Cộng	3.483.996.906	76.645.848.033	(72.290.611.230)	7.839.233.709

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Không chịu thuế: Hoạt động chăn nuôi, trồng trọt.

Thuế suất 5%: Đối với sản phẩm đường, phân bón, mật ri, bùn tro, bã mía, thuốc trừ cỏ.

Thuế suất 10%: Đối với hoạt động gia công cơ khí, điện thương phẩm, sản phẩm và dịch vụ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	79.290.844	269.801.813
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	45.262.082	147.364.558
Sở Tài Chính Khánh Hòa - Ứng vốn	-	8.000.000.000
Phải trả tiền cổ tức đợt 2 năm 2011	2.091.122.000	2.091.122.000
Phải trả tiền đặt cọc- mua bã mía, cạp cầu mía	899.800.000	1.189.600.000
Các khoản phải trả khác	1.687.783.396	1.219.230.933
Cộng	4.803.258.322	12.917.119.304

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	7.953.009.914	3.390.065.230	528.641.136	11.871.716.280
Tăng do hợp nhất	1.350.934.373	329.242.215	-	1.680.176.588
Trích lập trong năm	5.513.786.183	2.330.783.620	2.037.722.699	9.882.292.502
Thu khác	-	28.400.000	-	28.400.000
Chi quỹ trong năm	(7.267.918.337)	(3.204.733.714)	(801.180.001)	(11.273.832.052)
Điều chỉnh	(2.540.455.112)	(1.088.766.477)	272.278.410	(3.356.943.179)
Số cuối năm	5.009.357.021	1.784.990.874	2.037.462.244	8.831.810.139

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	-	92.053.686.436
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	101.732.826.364	-
Ngân hàng TM CP Á Châu	48.768.390.295	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát Triển Ninh Thuận	32.577.496.136	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Ninh Thuận	6.817.825.000	-
Cộng	189.896.537.795	92.053.686.436

(*) Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam):

Hợp đồng tín dụng số VNM 130590CM ngày 03 tháng 07 năm 2013; Giá trị vay 12.000.000 USD (Mười hai triệu Đô La Mỹ chẵn); thời hạn rút vốn 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để tài trợ mua máy móc thiết bị gia tăng công suất từ 4.300Tấn/ngày lên 6.000 Tấn/ngày; Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ; Biện pháp đảm bảo: Trước ngày rút vốn lần đầu theo hợp đồng được Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công bảo lãnh với khoản tiền được bảo lãnh tương đương 12.000.000 USD; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số VNM 130590 CM/MM2 ngày 03 tháng 07 năm 2013; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số VNM 130590 CM/LH ngày 10 tháng 10 năm 2013; Hợp đồng thế chấp số VNM 130590 CM/MM1 ngày 02 tháng 10 năm 2013.

(**) Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân Hàng Á Châu:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.04.13/HĐCTTC-DNH ngày 22 tháng 4 năm 2013; Tài sản cho thuê là 01 Bộ tổ máy Turbine máy phát điện công suất 30.000 KW, Model: 30MW STG, xuất xứ Ấn Độ, mới 100%; Giá trị tài sản cho thuê bằng VND tương đương 2.734.000 USD theo tỷ giá bán USD của Ngân hàng Á Châu tại ngày thanh toán cho bên cung ứng tài sản; Số tiền cho thuê: 54.065.000.000 VND (Năm mươi bốn tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu đồng) + 100% phí bảo hiểm. Số tiền cho thuê được giải ngân nhiều lần trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày ký HĐCTTC hoặc theo tiến độ được bên thuê chấp thuận bằng văn bản; Giá trị mua lại tài sản là: 162.195.000 VND (Một trăm sáu mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng) và thu một lần khi kết thúc thời hạn cho thuê tài chính hoặc khi HĐCTTC được thanh lý; Biện pháp đảm bảo tiền vay là số tiền ký cược của bên thuê: 5.406.500.000 VND (Năm tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu năm trăm ngàn đồng); Lãi suất cho thuê tài chính: lãi suất trong hạn được quy định theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo quy định tại HĐCTTC; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn cho thuê 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn vốn gốc 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Ngày nhận nợ là ngày Hợp đồng mua bán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tài sản giữa bên cung ứng tài sản, Bên cho thuê và Bên thuê hoặc Hợp đồng ủy thác nhập khẩu giữa Bên cho thuê và Bên thuê có hiệu lực theo pháp luật. Thanh toán tiền thuê tài chính: Nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ hàng quý theo dư nợ thực tế, trả sau thời gian ân hạn vốn gốc, số tiền trả nợ hàng quý định kỳ mỗi năm theo tỷ lệ như sau:

Lần	Ngày trả nợ	Tỷ lệ trả nợ vốn gốc
1	20/03	15%
2	20/06	35%
3	20/09	35%
4	20/12	15%

(c) *Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận:*

Hợp đồng tín dụng số 04/661136/2013/HDTD ngày 30/9/2013; Giá trị vay 33.298.000.000 VND (Ba mươi ba tỷ hai trăm chín mươi tám triệu đồng); Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để cơ cấu tài chính phần vốn ngắn hạn đã sử dụng để đầu tư Dự án nâng cấp Máy móc thiết bị hoàn thiện và ổn định ép 1.000 TMN của Công ty CP Đường Phan Rang; Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02/661136/2013/HDTC ngày 25/9/2013.

Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HDTDTH ngày 12/9/2012; Giá trị vay 4.900.000.000 VND (Bốn tỷ chín trăm triệu đồng); Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2012 của Công ty CP Đường Phan Rang; Lãi suất vay theo theo thông báo ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2012; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo hợp đồng kinh tế được ký kết của Bên vay và đối tác khác mà Bên vay thụ hưởng.

Hợp đồng số 001/2010/HDTDDH ngày 30/7/2010; Giá trị vay 7.106.500.000 VND (Bảy tỷ một trăm lẻ sáu triệu năm trăm nghìn đồng); thời hạn vay 84 tháng; Mục đích vay để đầu tư Dự án thiết bị năng lượng Lò Hơi và máy Turbo phát điện của Công ty CP Mía Đường Phan Rang; Lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, hợp đồng thế chấp số 01TCVV/2010/HDTC ngày 30/7/2010.

Hợp đồng số 002/2010/HDTDDH ngày 30/7/2010; Giá trị vay 7.500.000.000 VND (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng); thời hạn vay 84 tháng; Mục đích vay để đầu tư Dự án thiết bị công nghệ nâng công suất nhà máy 1.000 TMN của Công ty CP Mía Đường Phan Rang; Lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, hợp đồng thế chấp số 01TCVV/2010/HDTC ngày 30/7/2010.

(d) *Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Ninh Thuận:*

Hợp đồng số 0066/NTH/13CD ngày 27/6/2013; Giá trị vay 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng); thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để đầu tư dự án hoàn thiện và ổn định công suất ép 1.400 TMN trong năm 2013 của Công ty CP Mía Đường Phan Rang; Lãi suất theo thông báo của Ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, hợp đồng thế chấp số 0068/2013/VCB.NTH ngày 27/6/2013 và 0075/2013/VCB.NTH ngày 27/6/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa – Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Băng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tại chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	94.141.270.299	8.100.000.000	(1.616.929.007)	108.384.274.953	302.483.991.069
Tăng vốn trong năm	222.750.000.000	(180.200.000)	-	-	-	-	-	222.569.800.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	81.604.509.901	81.604.509.901
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(3.646.852.472)	-	-	3.647.469.964	617.492
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(50.625.000.000)	(50.625.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	10.887.664.769	3.629.221.590	-	(25.932.272.718)	(11.415.386.359)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(49.099.155)	-	-	(49.099.155)
Điều chỉnh	-	-	39.255.176	-	-	-	-	39.255.176
Số dư tại ngày 31/12/2012	303.750.000.000	12.334.430.000	-	101.382.082.596	11.680.122.435	(1.616.929.007)	117.078.982.100	544.608.688.124
Số dư tại ngày 01/01/2013	303.750.000.000	12.334.430.000	-	101.382.082.596	11.680.122.435	(1.616.929.007)	117.078.982.100	544.608.688.124
Tăng vốn trong năm	303.750.000.000	(201.880.000)	-	-	-	-	-	303.548.120.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	100.771.641.627	100.771.641.627
Trích quỹ trong năm	-	-	-	8.649.530.969	4.324.765.484	-	(27.152.028.573)	(14.177.732.120)
Giảm trong năm	-	-	-	(104.637.121)	-	-	-	(104.637.121)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(45.562.500.000)	(45.562.500.000)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	2.582.324.284	2.582.324.284
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	3.356.943.180	3.356.943.180
Số dư tại ngày 31/12/2013	607.500.000.000	12.132.550.000	-	109.926.976.444	16.004.887.919	(1.616.929.007)	151.075.362.618	895.022.847.974

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Vốn góp	19.932.908.800
Thặng dư vốn cổ phần	1.370.498.193
Quỹ đầu tư phát triển	5.450.453.895
Quỹ dự phòng tài chính	834.804.455
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	3.732.367.057
Số cuối năm	<u>31.321.032.400</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng doanh thu	71.288.762.733	228.360.182.512
Doanh thu đường RS	63.358.526.897	225.122.291.208
Doanh thu mật ri	3.937.429.385	147.746.630
Doanh thu bún, tro	20.277.281	114.780.599
Doanh thu điện thương phẩm	81.735.716	192.644.300
Doanh thu khác	3.890.793.454	2.782.719.775
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	-	<i>(924.089.905)</i>
Doanh thu thuần	<u>71.288.762.733</u>	<u>227.436.092.607</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn đường RS	46.617.087.389	197.928.989.911
Giá vốn mật ri	3.508.499.671	147.746.521
Giá vốn bún, tro	20.277.281	108.790.197
Giá vốn điện thương phẩm	81.735.716	192.644.300
Giá vốn khác	3.504.484.796	1.438.881.335
Cộng	<u>53.732.084.853</u>	<u>199.817.052.264</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Cổ tức lợi nhuận được chia	5.229.162.000	5.012.141.000
Lãi đầu tư nông dân trồng mía	8.464.147.270	10.434.017.463
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.312.760.923	749.479.214
Lãi cho vay	943.888.889	-
Doanh thu tài chính khác	32.463	-
Cộng	<u>17.949.991.545</u>	<u>16.195.637.677</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí lãi vay	9.002.186.039	6.819.522.561
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	11.073.003.723
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	79.430.425	-
Chi phí tài chính khác	84.251	7.384.355.852
Cộng	9.081.700.715	25.276.882.136

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nhân viên	75.916.484	216.544.036
Chi phí vận chuyển	950.966.184	3.310.682.442
Chi phí thuê kho, bốc xếp	71.741.000	-
Chi phí bằng tiền khác	5.856.100	14.113.000
Cộng	1.104.479.768	3.541.339.478

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.678.808.135	4.827.873.757
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	743.194.439	207.237.339
Chi phí khấu hao tài sản cố định	568.611.074	458.042.635
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	397.806.441	376.364.847
Chi phí khác	6.862.802.645	3.062.022.716
Cộng	21.251.222.734	8.931.541.294

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Thu nhập từ hoạt động cho thuê nhà	-	1.065.000.000
Thu nhập từ dịch vụ trồng mía bằng máy	-	259.500.000
Thu thanh lý tài sản	27.272.727	258.924.558
Thu nhập khác	2.565.399.051	606.299.398
Cộng	2.592.671.778	2.189.723.956

8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết liên doanh

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	1.151.011.761	564.422.904
Cổ tức đã nhận trong kỳ	-	-
Cộng	1.151.011.761	564.422.904

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.705.352.757	4.751.738.377
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.705.352.757	4.751.738.377
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.375.000	9.290.252
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	155	479

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong Công ty.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao trong kỳ là 200.000.000 VND, cùng kỳ năm trước là 141.000.000 VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Tiền lương, thưởng theo quy chế của Công ty. Thu nhập trong kỳ này là 2.119.861.547 VND, cùng kỳ năm trước là 1.653.992.000 VND

2. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung	Công ty con
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	Công ty con
Công ty CP Mía Đường 333	Công ty liên kết
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn sở hữu 19,43% vốn điều lệ
Công ty CP Điện Gia Lai	Cổ đông sở hữu 11,31% vốn điều lệ
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công	Công ty thành viên của cổ đông lớn
Công ty CP Bourbon Tây Ninh	Công ty thành viên của cổ đông lớn
Công ty CP Đường Biên Hòa	Công ty thành viên của cổ đông lớn
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công	Công ty liên kết của cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung		
- Chi đầu tư trồng mía	437.016.000	-
- Lãi phải thu đầu tư	190.662.852	-
- Mua cổ phiếu	48.648.600	14.732.250.000
- Chi phí thuê đất	72.600.000	36.290.529
Công ty Cổ Phần Mía Đường Phan Rang		
- Mua cổ phiếu	24.128.664.847	-
- Nhận cổ tức	-	1.837.173.000
- Bán thanh lý tài sản	-	756.051.364
- Mua hàng hóa	-	191.347.000
- Thu tiền bán thanh lý tài sản	87.170.014	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa		
- Góp vốn	92.000.000.000	-
- Vay ngắn hạn	51.900.000.000	-
- Thanh toán tiền vay ngắn hạn	51.900.000.000	-
- Chi phí lãi vay phải trả	571.111.000	-
Công ty Cổ Phần Mía Đường 333		
- Tiền lãi của cổ tức còn phải thu	209.135.267	-
- Mua cổ phiếu	-	18.380.370.000
- Nhận cổ tức	-	4.177.360.000
- Thu tiền lãi do ứng trước tiền mua cổ phiếu	-	1.633.004.463
Công ty Cổ Phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai		
- Thu tiền bán thanh lý tài sản	660.000.000	-
- Mua cổ phiếu	-	88.785.450.000
- Nhận cổ tức	-	5.000.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công		
- Nhận tiền ứng trước và thu tiền bán đường, mật ri	56.775.577.385	505.951.968.000
- Bán hàng hóa (đường, mật ri)	13.738.550.000	343.814.969.500
- Phải thu lãi chậm thanh toán	777.397.332	-
- Thanh toán tiền cung cấp dịch vụ, thiết bị	622.567.901	-
- Mua giải pháp công nghệ, dịch vụ tư vấn, khác	494.292.700	1.641.825.700
- Lãi ứng trước tiền đường, mật	-	5.565.793.386
Công ty CP Điện Gia Lai		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Mua cổ phiếu	24.000.000.000	88.785.450.000
- Mua dịch vụ tư vấn	1.593.276.000	-
- Thanh toán tiền mua dịch vụ tư vấn	850.276.000	-
- Nhận cổ tức	-	5.000.000.000
Công ty Cổ Phần SX TM Bao Bì Thành Thành Công		
- Ký quỹ thực hiện hợp đồng mua hàng hóa	25.000.000.000	-
- Ứng trước tiền mua hàng hóa	10.256.400.000	-
- Thanh toán tiền mua hàng	6.105.000.000	11.695.085.050
- Mua bao bì, hàng hóa	1.302.400.000	8.260.631.665
- Phải thu tiền lãi ứng trước tiền mua hàng	218.307.489	-
- Bán hàng hóa (đường, mật ri)	30.100.000	15.605.400.000
- Thu tiền bán hàng hóa (đường)	-	15.605.400.000
Công ty Cổ Phần Bourbon Tây Ninh		
- Nhận tiền ứng trước tiền mua đường	-	109.350.000.000
- Lãi ứng vốn tiền mua đường	-	4.146.187.500
- Ứng trước tiền mua dịch vụ tư vấn	-	104.000.000
- Thanh toán tiền ứng trước tiền mua đường	-	109.350.000.000
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa		
- Vay ngắn hạn	50.000.000.000	-
- Thanh toán tiền vay ngắn hạn	50.000.000.000	-
- Mua dịch vụ thuê kho, bốc xếp, vận chuyển	4.791.721.766	-
- Mua cổ phiếu	583.240.000	742.930.000
- Nhận cổ tức	29.162.000	24.282.000
- Thanh toán chi phí lãi vay	398.444.000	-
- Nhận tiền ứng trước và thu tiền bán hàng	-	268.516.289.771
- Bán hàng hóa (đường)	-	270.047.679.704
- Lãi nhận ứng trước tiền bán đường	-	1.531.389.933
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công		
- Mua cổ phiếu	4.200.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 số dư công nợ của các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công (Xem thuyết minh V.3)	33.009.216.489	-
Công ty CP Mía Đường 333 (Xem thuyết minh V.4)	4.210.777.200	-
Công ty CP Điện Gia Lai (Xem thuyết minh V.3)	1.760.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Bourbon Tây Ninh (Xem thuyết minh V.3)	1.214.000.000	104.000.000
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	-	1.550.000.000
Cộng các khoản phải thu	40.193.993.689	1.654.000.000
Công ty CP SX TM Bao Bi Thành Thành Công	1.849.020.000	329.886.865
Công ty CP Đường Biên Hòa (Xem thuyết minh V.17)	4.791.721.766	-
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công (Xem thuyết minh V.17)	52.408.700	26.728.932.000
Cộng các khoản phải trả	4.844.130.466	27.058.818.865

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	372.520.290.803	39.921.238.387	372.520.290.803	39.921.238.387
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	109.101.234.798	104.317.994.798	109.101.234.798	104.317.994.798
Phải thu khách hàng	4.148.140.308	4.872.345.052	4.148.140.308	4.872.345.052
Các khoản phải thu khác	26.229.761.779	3.862.607.835	26.229.761.779	4.188.806.164
Cộng	623.999.427.688	152.974.186.072	623.999.427.688	153.300.384.401
Nợ phải trả tài chính			372.520.290.803	
Vay và nợ	405.127.013.887	268.810.273.523	109.101.234.798	268.810.273.523
Phải trả cho người bán	18.168.147.084	28.430.048.603	4.148.140.308	28.430.048.603
Các khoản phải trả khác	30.996.431.906	20.852.580.306	26.229.761.779	20.852.580.306
Cộng	454.291.592.877	318.092.902.432	623.999.427.688	318.092.902.432

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối năm		
Hàng tồn kho	59.771.334.346	
Cổ phiếu	303.628.115.057	
Tài sản cố định hữu hình	11.907.924.942	
Cộng	375.307.374.345	
Số đầu năm		
Hàng tồn kho	42.695.273.918	
Cổ phiếu	199.310.120.259	
Tài sản cố định hữu hình	269.983.131.058	
Cộng	511.988.525.235	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2013.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản đầu tư trung mĩa) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, các cá nhân và các tổ chức nhận đầu tư phải có điều kiện đảm bảo khoản nhận đầu tư theo qui định và nhân viên kế toán công nợ, nhân viên nông vụ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	625.340.131.807	189.896.537.795	815.236.669.602	405.127.013.887
Phải trả cho người bán	84.390.146.885	-	84.390.146.885	18.168.147.084
Các khoản phải trả khác	17.025.678.473	-	17.025.678.473	30.996.431.906
Cộng	726.755.957.165	189.896.537.795	916.652.494.960	454.291.592.877
Số đầu năm				
Vay và nợ	176.756.587.087	92.053.686.436	-	268.810.273.523
Phải trả cho người bán	28.430.048.603	-	-	28.430.048.603
Các khoản phải trả khác	20.852.580.306	-	-	20.852.580.306
Cộng	226.039.215.996	92.053.686.436	-	318.092.902.432

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Thông tin khác

Kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV năm 2013 so với Quý IV năm 2012

	Quý IV/2013	Quý IV/2012	Biến động (+,-)	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.556.677.880	27.619.040.343	(10.062.362.463)	(36)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.069.266.208	6.064.915.112	(1.995.648.904)	(33)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.603.996.975	7.352.232.486	(1.748.235.511)	(24)

Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự biến động:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý IV năm 2013 giảm so với cùng kỳ năm trước là 10.062.362.463 VND, tương đương giảm 36%; nguyên nhân do sản lượng bán ra năm nay tăng đáng kể ở Quý III năm 2013, thành phẩm tồn kho Quý IV năm 2013 thấp vì vậy sản lượng bán ra giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế Quý IV năm 2013 giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước là 1.748.235.511 VND, tương đương giảm 24%, biến động giảm cùng chiều với lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 02 năm 2013



Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểu



Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc